TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23- 4 - 2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Cẩm

Ông Lô Thanh Long

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lương Thị Ái - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh L M D, sinh năm 1975. Có mặt

Địa chỉ: Xóm 6, xã X S, huyện Đ L, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn*: Chị Kh Th M. Sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Bản M, thị trấn Th G, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22 tháng 6 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh L M D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị M quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th G (Nay là thị trấn Th G), huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 07/02/2003 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính

cách không hòa hợp nhau, thường xuyên cãi vã, trong cuộc sống quá bất đồng quan điểm dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020. Nay anh D có nguyện vọng ly hôn với chị M để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh D và chị M có 02 con chung là cháu L N, sinh ngày 07/01/2004 và cháu L M Th, sinh ngày 10/5/2007 hiện cháu đang sống cùng vợ chồng tại xóm 6, xã X S, huyện Đ L, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn anh D theo nguyện vọng nuôi cháu L M Th, sinh ngày 10/5/2007 còn cháu L N, sinh ngày 07/01/2004 do chị M chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bị đơn chị Kh Th M trình bày ý kiến:

Về tình cảm: Chị M đồng ý với lời trình bày của anh D về thời gian, điều kiện, nơi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị M và anh D sống rất hạnh phúc, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, anh D thiếu tin tưởng chị M nên mới xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Chị M hiện đang còn tình cảm với anh D nên không đồng ý ly hôn muốn anh D suy nghĩ lại để nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung là cháu L N, sinh ngày 07/01/2004 và cháu L M Th, sinh ngày 10/5/2007 hiện cháu đang sống cùng vợ chồng tại xóm 6, xã X S, huyện Đ L, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn được đặt ra thì chị M có nguyện vọng nuôi cháu L N, còn cháu L M Th do anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Trong quá trình sống chung chị M và anh D tạo lập được khối tài sản sau:

- Đất và nhà ở tại bản M, thị trấn Th G, huyện T D, tỉnh Nghệ An anh L M D để lại cho chị M.

- Đất tại bản M, thị trấn Th G, huyện T D, tỉnh Nghệ An bên cạnh nhà đang ở anh D bán cho chị L Th K Ch số tiền 400.000.000đ chị M đề nghị được chia đôi.

- Đất và nhà ở tại xóm 6, xã X S, huyện Đ L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề nghị được chia đôi.

- Anh D trả cho chị M số tiền 40.000.000đ theo thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L M D. Về con chung giao cháu L N cho chị Kh Th M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu L M Th cho anh L M D chăm sóc nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị M vì vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Kh Th M có hộ khẩu thường trú tại bản M, thị trấn Th G, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh L M D và bị đơn chị Kh Th M thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh D và chị M kết hôn với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã Th G (nay là thị trấn Th G), huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số số 19/2003 ngày 07/02/2003 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Anh D và chị M trong quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng nhau, bản thân anh D không còn tình cảm với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh D và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh D là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

2. Con chung: Anh D và chị M có 02 con chung là là cháu L N, sinh năm 2004 và cháu L M Th, sinh năm 2007 hiện cháu đang sống cùng với anh D, chị M. Anh D và chị M thỏa thuận cháu Na do chị M nuôi dưỡng và cháu Thư do anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành. Cả chị M và anh D đều không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện

vọng của con, cũng như quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên là phù hợp.

3. Tài sản, nợ chung: Tại phiên tòa chị M yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tối cao có công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ của Tòa án các địa phương, trong đó tại mục 7, Phần IV đã hướng dẫn thực hiện nội dung như sau: "Tòa án chấp nhận việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nếu việc thay đổi, bổ sung được thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị M yêu cầu tại phiên tòa vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Chị M có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

[4]. Án phí và quyền kháng cáo: Anh L M D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh L M D được ly hôn với chị Kh Th M.

2. Con chung:

- Giao cháu L N, sinh ngày 07/01/2004 cho chị Kh Th M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.

- Giao cháu L M Th, sinh ngày 10/5/2007 cho anh L M D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D, chị M

- Anh D, chị M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh L M D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0000584 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 23 tháng 4 năm 2021.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND TT Th G;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Moong Công Hải